

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỬA ĐỔI****I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN****1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Ngày 03/6/2008, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 3 đã thông qua Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) số 13/2008/QH12 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thay thế cho Luật thuế GTGT năm 1997 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT năm 2003, năm 2005. Sau đó, để khắc phục những bất cập phát sinh trong thực tiễn, Luật thuế GTGT đã được sửa đổi, bổ sung ba lần vào các năm 2013¹, 2014² và 2016³. Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật thuế GTGT đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội và đã đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, do sự biến động nhanh của kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, cũng như qua thực hiện triển khai, chính sách thuế GTGT đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, có điểm chưa phù hợp với thông lệ quốc tế, với nguyên tắc của thuế GTGT, một số quy định còn phức tạp, không thuận lợi trong quá trình thực hiện, gây vướng mắc cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế, chưa có những quy định để xác định đúng cơ chế thu đối với một số loại hàng hóa phát sinh theo sự phát triển của kinh tế thị trường, như: Đối tượng không chịu thuế GTGT còn nhiều nên chưa bao quát hết các nguồn thu; doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT có mức từ 100 triệu đồng trở xuống/năm cần phải nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp với thực tế; đối tượng chịu thuế GTGT thuế suất 5% còn nhiều; mức thuế suất phổ thông 10% cần phải nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp trong quá trình chuyển đổi, tái cơ cấu nền kinh tế hiện nay; quy định về giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản còn có cách hiểu khác nhau giữa người nộp thuế và cơ quan thuế; quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào

¹ Ngày 19/6/2013, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật thuế GTGT sửa đổi số 31/2013/QH13, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014.

² Ngày 26/11/2014, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật sửa đổi các Luật về thuế (trong đó có thuế GTGT) số 71/2014/QH13, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.

³ Ngày 06/4/2016, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế số 106/2016/QH13, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016.

cần phải chặt chẽ hơn nữa để góp phần ngăn chặn gian lận trong khâu trừ, hoàn thuế GTGT, chống thất thu ngân sách; cần phải nghiên cứu sửa đổi một số thủ tục hoàn thuế để tạo điều kiện hơn nữa cho doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ, thông qua đó tăng năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Do đó, Luật thuế GTGT cần phải được sửa đổi, bổ sung nhằm tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nêu tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị, đồng thời kịp thời thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng được xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030⁴, Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 – 2025⁵ và Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025⁶ đã được Đại hội lần thứ XIII của Đảng thông qua; phù hợp với mục tiêu Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, xây dựng hệ thống thuế đồng bộ; khắc phục những vướng mắc, hạn chế của chính sách thuế GTGT hiện hành; đồng thời phù hợp với bối cảnh hội nhập, xu hướng phát triển kinh tế của các nước trên thế giới.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu chung

- Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030.

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, khơi thông, phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Phù hợp xu hướng cải cách thuế của quốc tế.

- Đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN).

b) Mục tiêu cụ thể

- Mở rộng cơ sở thu thuế; nghiên cứu sửa đổi một số quy định để chống

⁴ “Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế”.

⁵ “Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dự địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước. Khẩn trương sửa đổi, hoàn thiện một số luật thuế, nhất là Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt... Chú trọng các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản để tránh thất thoát. Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế”

⁶ “Sửa đổi hệ thống luật và chính sách thuế, phí, lệ phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của môi trường đầu tư. Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”.

gian lận và chống thất thu thuế GTGT, đảm bảo thu đúng thu đủ vào NSNN.

- Sửa đổi bất cập trong quy định hiện hành để bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện Luật.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT

1. Chính sách 1: Mở rộng cơ sở thuế (thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5%)

a) Xác định vấn đề bất cập

- Về đối tượng không chịu thuế GTGT

+ Thực tiễn phát sinh vướng mắc, một số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp (như: phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ;...) thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT gặp khó khăn do không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả hoạt động đầu tư, mua sắm tài sản cố định (TSCĐ) phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh) mà phải tính vào chi phí sản phẩm, khiến giá thành tăng và lợi nhuận giảm; bất lợi trong cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu cùng loại. Do không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nên không khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp TSCĐ để tạo ra sản phẩm chất lượng cao.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định một số nhóm dịch vụ công ích (như: dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng;...) thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hoá và xã hội hoá đang diễn ra phổ biến và nhiều lĩnh vực dịch vụ công ích đang có xu hướng chuyển sang xã hội hóa ngày càng nhiều. Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều đã tham gia cung cấp các nhóm dịch vụ công nêu trên. Việc quy định các dịch vụ công đã được xã hội hóa thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT cho thấy không còn phù hợp vì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nên thuế GTGT đầu vào của số vốn đầu tư đưa vào kinh doanh dịch vụ sẽ không được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào. Theo đó, để khắc phục bất cập này, cần thiết nghiên cứu, sửa đổi để thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT đối với các dịch vụ công đã được xã hội hóa.

- Về đối tượng chịu thuế 5%

Qua tham khảo kinh nghiệm quốc tế (số liệu thống kê của IMF⁷), đa số các nước (47,6%) áp dụng thuế GTGT có biểu thuế suất gồm một mức (không tính mức thuế suất 0% cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu); 31,7% số nước áp dụng biểu thuế suất thuế GTGT với hai mức thuế suất và số còn lại là nhiều hơn hai mức. Phần lớn các nước châu Á, đặc biệt là các nước ASEAN, chỉ áp

⁷ <https://www.imf.org/external/np/fad/tpaf/pages/vat.htm> (Standard VAT Rate) (2020).

dụng một mức thuế suất ngoài mức thuế suất 0%⁸. Theo đó, để phù hợp với xu hướng phát triển của quốc tế và nhằm thực hiện mục tiêu tiến tới áp dụng một mức thuế suất thuế GTGT theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế, cần thiết rà soát để thu hẹp đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 5%.

Luật thuế GTGT hiện hành quy định một số nhóm dịch vụ công (như hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim;...) thuộc đối tượng chịu thuế 5% (ưu đãi hơn mức thuế suất phổ biến 10%). Tuy nhiên, các dịch vụ công này đã và đang tiếp tục được xã hội hóa mạnh mẽ. Theo đó, cần thiết nghiên cứu sửa đổi quy định áp dụng thuế suất ưu đãi 5% đối với các dịch vụ công đã được xã hội hóa.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trong quá trình cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm giai đoạn 2021 – 2025.

- Mở rộng cơ sở thuế, tiến tới áp dụng một mức thuế suất thuế GTGT theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế thông qua giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ đang thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT ở mức thuế suất 5%.

- Tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất trong nước, bảo đảm hàng hóa sản xuất trong nước cạnh tranh bình đẳng với hàng hóa nhập khẩu cùng loại.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5% cho phù hợp.

(c2) Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Đối với doanh nghiệp: Doanh nghiệp sẽ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào, kê cả thuế GTGT của hàng hóa mua vào hoặc nhập khẩu để tạo TSCĐ phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Số thuế được khấu trừ này doanh nghiệp không phải tính vào chi phí sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, đồng thời doanh nghiệp có điều kiện giảm giá thành cung ứng sản phẩm, dịch vụ.

⁸ Các nước Asean áp dụng 01 mức thuế suất thuế GTGT ngoài mức 0% gồm: Campuchia, Indonesia, Lào, Thái Lan.

+ Đối với người tiêu dùng: Khi doanh nghiệp được khấu trừ thuế GTGT đầu vào sẽ giảm được giá thành và có điều kiện để hạ giá bán, góp phần làm giảm chi phí cho người tiêu dùng.

+ Đối với xã hội: Việc điều chỉnh chính sách thuế GTGT đối với một số hàng hóa, dịch vụ nêu trên sẽ giúp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, từ đó góp phần vào tăng trưởng kinh tế chung của đất nước. Ngoài ra, việc thúc đẩy sản xuất, kinh doanh cũng góp phần tạo công ăn việc làm, thu nhập cho một lượng lớn người lao động, từ đó góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Đối với các dịch vụ công, giải pháp này sẽ góp phần thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư cung ứng và gia tăng chất lượng các dịch vụ này, từ đó người dân có nhiều cơ hội được sử dụng dịch vụ, góp phần nâng cao hiệu quả xã hội hóa dịch vụ công.

+ Đối với NSNN: Số thu NSNN có thể tăng thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5%.

- Tác động tiêu cực: Về nguyên tắc, thuế GTGT là sắc thuế gián thu và người tiêu dùng là người chịu thuế. Do vậy, khi thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng chịu thuế GTGT 5% thì người tiêu dùng sẽ phải trả thêm phần thuế GTGT. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, các doanh nghiệp có thể giảm được chi phí sản xuất, kinh doanh thì giá thành hàng hóa, dịch vụ cũng sẽ giảm, từ đó mức giá chung của hàng hóa, dịch vụ sau thuế GTGT có thể sẽ không tăng nhiều.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Trong thời gian đầu thực hiện chính sách có thể làm tăng thủ tục hành chính đối với cơ quan quản lý thuế và doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong dài hạn khi chính sách đã ổn định, sẽ không còn tác động về thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hoàn thiện hệ thống chính sách.

(d2) Giải pháp 2:

+ Tác động tích cực: Không phát sinh thêm chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

+ Tác động tiêu cực: Không giải quyết được vướng mắc khi thực hiện Luật.

d) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo giải pháp 1.

2. Chính sách 2: Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính

a) Xác định vấn đề bất cập

- Về đối tượng không chịu thuế GTGT

+ Trong quá trình thực hiện đàm phán các thỏa thuận vay vốn nước

ngoài mà Nhà nước/Chính phủ Việt Nam là Bên đi vay có phát sinh các chi phí khác ngoài lãi tiền vay thuộc nghĩa vụ trả của Bên đi vay (các khoản phí này đều nằm trong thỏa thuận cho vay của Bên cho vay nước ngoài). Theo Luật thuế GTGT hiện hành thì dịch vụ cấp tín dụng (cho vay) thuộc đối tượng không chịu thuế. Theo đó, cần nghiên cứu, sửa đổi đối với các khoản phí tại Hợp đồng vay vốn cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thực tế thực hiện nội dung này có phát sinh vướng mắc nên nhiều Hiệp hội, doanh nghiệp kiến nghị phải sửa đổi, bổ sung nội dung này để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thực tế việc duy tu, sửa chữa các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội ngoài tiền đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo thì còn có nguồn vốn khác. Theo đó, để đảm bảo minh bạch các nguồn vốn đóng góp, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về tỷ lệ đóng góp để tránh vướng mắc, gian lận trong thực hiện.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, hiện nay, nhiều trường học tổ chức thêm các dịch vụ đi kèm hoạt động dạy học, dạy nghề như ăn bán trú, tổ chức đưa đón hoặc tổ chức ở nội trú. Theo đó, để phù hợp với tình hình thực tế, giảm chi phí cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thì cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về hoạt động dạy học, dạy nghề cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trong thời gian dịch Covid-19, phát sinh trường hợp một số doanh nghiệp trong nước thực hiện nhập khẩu máy thở, áo choàng chống dịch Covid,... để ủng hộ, tài trợ cho các cơ quan, tổ chức phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19. Tuy nhiên, các khoản ủng hộ, tài trợ này chưa được xác định là viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành nên không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Do vậy, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về áp dụng không chịu thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để ủng hộ, tài trợ nhằm khuyến khích doanh nghiệp chung tay đóng góp vì mục đích nhân đạo.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Phần mềm máy tính*” thuộc đối

tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, tại Luật thuế GTGT chưa quy định rõ phần mềm máy tính là sản phẩm phần mềm hay bao gồm cả dịch vụ phần mềm. Do vậy, để đảm bảo minh bạch chính sách và tránh cách hiểu khác nhau, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định này cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, quy định này đã được áp dụng từ năm 2014. Theo đó, cần thiết nghiên cứu điều chỉnh mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh cho phù hợp với mức biến động của giá cả trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay.

+ Theo quy định của Luật thuế GTGT hiện hành thì trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu trực tiếp máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được hoặc nhập khẩu máy móc, thiết bị từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, hiện nay, hoạt động cho thuê tài chính ngày càng phát triển. Theo đó, bên cho thuê tài chính sẽ trực tiếp nhập khẩu tài sản giao cho bên thuê (không có tiền mua tài sản) sử dụng đối với tài sản đó (thay vì bên thuê tài chính trực tiếp nhập khẩu để sử dụng). Do vậy, chính sách thuế GTGT đối với Công ty cho thuê tài chính trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu máy móc, thiết bị về để cho thuê tài chính cần được áp dụng như đối với trường hợp bên thuê tài chính trực tiếp nhập khẩu. Theo đó, để khuyến khích hoạt động cho thuê tài chính hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định đối với hoạt động này cho phù hợp.

+ Thực tế phát sinh nhiều trường hợp tổ chức, cá nhân không kinh doanh bán (thanh lý) tài sản; các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí và lệ phí; cơ quan dự trữ bán hàng dự trữ quốc gia; thanh lý tài sản chuyên dùng phục vụ cho hoạt động không chịu thuế GTGT;... Những tổ chức, cá nhân này không phải là người nộp thuế GTGT theo quy định của pháp luật thuế GTGT, do vậy, tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT đã quy định hàng hóa do các tổ chức này bán không phải nộp thuế GTGT theo thẩm quyền được giao tại Luật. Theo đó, để luật hóa các quy định đã thực hiện ổn định trong thời gian qua, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định đối với các trường hợp này cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Chuyển nhượng vốn bao gồm: chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh, chuyển nhượng chứng khoán; hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Thực tế trong quá trình thực hiện, doanh nghiệp và cơ quan thuế gặp vướng mắc khi xác định nghĩa vụ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản. Do vậy, để quy định rõ ràng, tránh vướng mắc trong thực hiện, cần nghiên cứu, sửa

đổi, bổ sung quy định đối với chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản cho phù hợp.

- Về giá tính thuế

Luật thuế GTGT hiện hành quy định giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản “là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước”. Tuy nhiên, quy định này còn có cách hiểu khác nhau. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh bất động sản không thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT trên phần chênh lệch giữa giá bán và tiền sử dụng đất thực tế nộp vào NSNN vì cho rằng hoạt động chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật kinh doanh bất động sản và quy định tại Luật thuế GTGT, doanh nghiệp chỉ được trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp NSNN. Theo đó, để đảm bảo chính sách rõ ràng, minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện, cần nghiên cứu quy định cụ thể giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản.

- Về thuế suất

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu...”. Hàng hóa bán tại khu cách ly là phục vụ cho người Việt Nam, người nước ngoài xuất cảnh, quá cảnh qua Việt Nam và là hàng xuất khẩu, được cơ quan hải quan kiểm soát chặt chẽ lượng hàng hóa ra, vào khu cách ly (doanh nghiệp có đăng ký tờ khai hải quan đối với hàng xuất khẩu). Theo đó, để khuyến khích hoạt động xuất khẩu hàng hóa, cũng như phát triển du lịch, cần nghiên cứu bổ sung quy định đối với hàng hóa bán tại khu vực cách ly thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0% và hướng dẫn điều kiện và thủ tục được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu... Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ”. Trước ngày 01/9/2016 cửa hàng miễn thuế được xác định là khu phi thuế quan nên chính sách thuế GTGT đối với cửa hàng miễn thuế được áp dụng theo cơ chế khu phi thuế quan. Kể từ ngày 01/9/2016, theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì cửa hàng miễn thuế không đáp ứng được các điều kiện về khu phi thuế quan nên dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Theo quy định tại Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế thì hàng bán tại cửa hàng miễn thuế chủ yếu phục vụ cho khách du lịch và được tiêu dùng ngoài Việt Nam hoặc bán cho đối tượng miễn trừ ngoại giao (đối tượng được mua hàng không có thuế GTGT) hoặc người nhập cảnh (chỉ được mua hàng trong định mức). Do vậy, để khuyến khích hoạt động bán hàng miễn thuế, thu hút khách du lịch, cũng cần nghiên cứu bổ sung quy định đối với hàng bán tại cửa hàng miễn

thuế thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0% và hướng dẫn điều kiện áp dụng thuế suất 0%, điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp đặc thù cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định thiết bị, dụng cụ y tế, thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%. Tuy nhiên, một số loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho y tế, giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học cũng có thể dùng cho văn phòng hay mục đích dân dụng khác như bàn, ghế, máy chiếu, màn hình,... Việc quy định áp dụng thuế suất 5% đối với những loại hàng hóa có thể sử dụng đa mục đích dẫn đến không thống nhất trong thực hiện, tạo kẽ hở để lợi dụng chính sách, cạnh tranh không bình đẳng. Theo đó, để phù hợp với nguyên tắc của thuế GTGT (là loại thuế gián thu, thu theo hàng hóa, dịch vụ, không phân biệt mục đích sử dụng), đảm bảo minh bạch, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ y tế, giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Thực phẩm tươi sống*” thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng phát sinh vướng mắc về việc áp dụng thuế suất thuế GTGT đối với một số mặt hàng như: thịt xay, cá cắt khúc,... Đây là các sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác, chỉ qua sơ chế thông thường (thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT) và mặt hàng này cũng là thực phẩm tươi sống (thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5%). Theo đó, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định mức thuế suất đối với thực phẩm tươi sống để áp dụng thống nhất.

Ngoài ra, cần bổ sung nguyên tắc xác định thuế suất thuế GTGT để đảm bảo quy định rõ ràng, minh bạch, tránh vướng mắc khi thực hiện đối với một số hàng hóa có thể áp dụng vào các điều khoản khác nhau tại Luật như vướng mắc đối với thực phẩm tươi sống nêu trên.

- Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định: “*Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế*”. Tại Điều 47 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã có quy định cụ thể về việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế khi người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót. Theo đó, để đồng bộ với quy định tại Luật quản lý thuế và phù hợp với thực tế, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào trong trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định một trong những điều kiện để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào là “*Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng*”. Tuy nhiên, qua công tác thanh tra,

kiểm tra thuế, phát sinh nhiều trường hợp các doanh nghiệp lợi dụng chính sách để thực hiện hành vi trốn thuế thông qua việc chia nhỏ hóa đơn dưới 20 triệu đồng thanh toán bằng tiền mặt để được kê khai, khấu trừ thuế GTGT và tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, để góp phần minh bạch hóa các giao dịch mua bán của doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển giao dịch thanh toán qua ngân hàng, góp phần ngăn chặn gian lận trong việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT và phòng chống rửa tiền, cần nghiên cứu sửa đổi quy định về định mức hàng hóa, dịch vụ mua từng lần từ mức dưới 20 triệu đồng xuống mức phù hợp.

- Về hoàn thuế GTGT

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo*”. Qua tổng kết đánh giá, thực tế vẫn còn một số trường hợp thường xuyên phát sinh số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra và qua nhiều kỳ vẫn chưa được khấu trừ hết như đối với trường hợp sản xuất hàng hóa, cơ sở kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 5% nhưng đầu vào chủ yếu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT 10%. Số thuế chưa được khấu trừ hết không được hoàn này lũy kế ngày càng nhiều, các doanh nghiệp bị áp lực về vốn, nhất là trong điều kiện hiện nay. Do vậy, để tạo thuận lợi về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cần nghiên cứu bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với trường hợp này cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng*”. Việc quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư đã góp phần khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ và thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, theo khái niệm dự án đầu tư tại Luật đầu tư gồm nhiều hình thức: dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng,... dẫn đến vướng mắc trong thực hiện hoàn thuế thời gian qua. Theo đó, để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, nâng cao năng suất lao động, đồng bộ pháp luật về dự án đầu tư, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư cho phù hợp.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế GTGT mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp: “*Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động*”.

Thực tế phát sinh trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (như: điện lực, sản xuất dược phẩm, kinh

doanh khách sạn,...) trong quá trình đầu tư, doanh nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ cấp giấy chứng nhận kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi cơ sở kinh doanh chấm dứt giai đoạn đầu tư và làm đầy đủ các thủ tục khác theo quy định. Trong khi đó, khi doanh nghiệp hoàn thành dự án và phát sinh doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ thì không còn là dự án trong giai đoạn đầu tư nên cơ quan quản lý thuế không thực hiện hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư (dự án đã đi vào hoạt động).

Bên cạnh đó, việc xác định vốn điều lệ tại thời điểm hoàn thuế cũng gặp nhiều vướng mắc: Có trường hợp doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cho phép góp vốn điều lệ theo tiến độ đầu tư nên theo quy định cũng không được hoàn thuế. Có trường hợp tại thời điểm lập đề nghị hoàn thuế chưa góp đủ vốn điều lệ nhưng đến thời điểm cơ quan thuế ra quyết định hoàn thuế doanh nghiệp lại góp đủ vốn điều lệ. Do vậy, cần thiết nghiên cứu quy định rõ để tránh vướng mắc trong thực hiện.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan*”. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng theo quy định nêu trên thì tất cả hàng nhập khẩu sau đó xuất khẩu đều không được hoàn thuế. Cách hiểu này dẫn đến tăng chi phí, tăng giá bán của hàng hóa xuất khẩu, đồng thời chưa phù hợp với chủ trương là khuyến khích xuất khẩu hàng hóa. Theo đó, để đảm bảo chính sách rõ ràng, minh bạch, cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

+ Luật thuế GTGT hiện hành quy định “*Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết*”. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật doanh nghiệp, đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi sẽ kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty được chuyển đổi. Theo đó, cần nghiên cứu sửa đổi quy định về hoàn thuế đối với các trường hợp này để phù hợp với Luật doanh nghiệp.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, minh bạch các hoạt động kinh tế, khơi thông và phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt và ngăn chặn gian lận trong việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT, phòng chống rửa tiền, hạn chế gian lận để chiếm đoạt tiền thuế của Nhà nước.

- Bảo đảm chính sách minh bạch, rõ ràng, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo thuận lợi trong thực hiện, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế và xu thế phát triển.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Nghiên cứu đề sửa đổi, bổ sung quy định về: đối tượng không chịu thuế, giá tính thuế, thuế suất, điều kiện khấu trừ thuế đầu vào và hoàn thuế cho phù hợp.

(c2) Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1:

- Tác động tích cực về kinh tế, xã hội:

+ Quy định đối tượng không chịu thuế, giá tính thuế, thuế suất, điều kiện khấu trừ thuế đầu vào và hoàn thuế rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện. Giải quyết được những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

+ Việc sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế, khấu trừ thuế GTGT giúp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp; nâng cao tính chặt chẽ của hệ thống pháp luật, loại bỏ kẽ hở cho việc lợi dụng chính sách, tạo môi trường kinh doanh cạnh tranh minh bạch, bình đẳng.

- Tác động về NSNN: Không ảnh hưởng đến NSNN.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

(d2) Giải pháp 2:

+ Tác động tích cực: Không phát sinh thêm chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

+ Tác động tiêu cực: Không giải quyết được vướng mắc khi thực hiện Luật.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo giải pháp 1.

3. Chính sách 3: Sửa đổi để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật

a) Xác định vấn đề bất cập

- Tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định đối tượng miễn thuế nhập khẩu bao gồm: (i) tài sản di chuyển; (ii) hàng hóa mua bán trao đổi của cư dân biên giới theo định mức. Tuy nhiên, Luật thuế GTGT chưa quy định các đối tượng này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Ngoài ra, cũng cần thiết nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định đối với vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh; hàng hóa trung

chuyên;... để đồng bộ với một số quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Luật thuế GTGT quy định tên cụ thể một số mặt hàng, sản phẩm trồng trọt, dịch vụ chứng khoán thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, câu chữ chưa đồng bộ với quy định tại Luật chứng khoán, Luật trồng trọt.

- Tại Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) đã có quy định về giá tính thuế TTĐB đối với kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược. Tuy nhiên, tại Luật thuế GTGT chưa có quy định cụ thể về giá tính thuế đối với các đối tượng này.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

- Đảm bảo minh bạch chính sách, tránh vướng mắc trong thực hiện.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng không chịu thuế và giá tính thuế để đồng bộ với quy định của các luật khác có liên quan.

(c2) Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1:

- Tác động tích cực: Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của chính sách giữa Luật thuế GTGT với quy định của các luật khác có liên quan, tạo thuận lợi trong thực hiện.

- Tác động tiêu cực: Có thể làm giảm số thu NSNN từ thuế GTGT do bổ sung đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Trong thời gian đầu thực hiện chính sách có thể làm tăng thủ tục hành chính. Tuy nhiên, trong dài hạn khi chính sách đã ổn định, sẽ không còn tác động về thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hoàn thiện hệ thống chính sách, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của chính sách giữa Luật thuế GTGT với Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật chứng khoán, Luật trồng trọt, Luật thuế TTĐB.

(d2) Giải pháp 2:

+ Tác động tích cực: Không phát sinh thêm chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

+ Tác động tiêu cực: Không giải quyết được vướng mắc khi thực hiện Luật.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo giải pháp 1.

4. Chính sách 4: Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển

a) Xác định vấn đề bất cập

- Luật thuế GTGT hiện hành quy định mức thuế suất 0% áp dụng đối với dịch vụ xuất khẩu. Tuy nhiên, do dịch vụ có tính vô hình nên trong quá trình thực hiện đã phát sinh vướng mắc trong việc xác định dịch vụ xuất khẩu, gây khó khăn cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế. Theo đó, cần nghiên cứu sửa đổi quy định về dịch vụ xuất khẩu để tránh vướng mắc trong thực hiện.

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, đã nêu định hướng mở rộng cơ sở thuế, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 trong Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng cộng sản Việt Nam cũng đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí: Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế,...

Qua tham khảo kinh nghiệm quốc tế cho thấy: Xu hướng các nước phát triển và các nước đang phát triển đều thực hiện cơ cấu lại thu NSNN là tăng cường vai trò của thuế GTGT. Số lượng quốc gia áp dụng thuế GTGT/thuế hàng hóa và dịch vụ ngày càng tăng, từ khoảng 140 nước năm 2004 lên 160 nước năm 2014, 166 nước năm 2016, 195 nước năm 2020, với xu thế phổ biến là tăng mức thuế suất GTGT.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trong quá trình cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội.

- Phù hợp với thông lệ và xu hướng cải cách thuế GTGT quốc tế.

- Đảm bảo chính sách rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

(c1) Giải pháp 1: Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về thuế suất đối với dịch vụ xuất khẩu để tránh vướng mắc trong thực hiện; nghiên cứu áp dụng mức thuế suất phổ thông phù hợp.

(c2) Giải pháp 2: Giữ như quy định hiện hành.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp

(d1) Giải pháp 1:

- Tác động tích cực:

+ Việc sửa đổi, bổ sung quy định về thuế suất đối với dịch vụ xuất khẩu sẽ đảm bảo chính sách minh bạch và tránh vướng mắc trong thực hiện.

+ Với giải pháp này sẽ phù hợp với thông lệ quốc tế và thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước.

- Tác động tiêu cực: Việc sửa đổi này có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp và người tiêu dùng.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hoàn thiện hệ thống chính sách.

(d2) Giải pháp 2:

+ Tác động tích cực: Không phát sinh thêm chi phí tuyên truyền, phổ biến chính sách sau khi Luật có hiệu lực thi hành.

+ Tác động tiêu cực: Không giải quyết được vướng mắc khi thực hiện Luật.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo giải pháp 1.

III. KẾT LUẬN

Những nội dung sửa đổi, bổ sung tại Luật có tác động đến việc thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh trong các ngành kinh tế trọng điểm, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, minh bạch, góp phần ổn định nguồn thu NSNN và cải cách thủ tục hành chính.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Luật thuế GTGT sửa đổi./.

BỘ TÀI CHÍNH